

REV.	DATE	DESCRIPTION
init.	2007/12/29	經變更新機件圖，S048000變更為S7500
△a	2008/12/11	再經變更，重啟CS變CC，S750070變為S531
△		
△		

8/12

88

88

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. NO.	DWNL.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
intL	2007/09/29	設計變更新規作圖 S/S4830機殼 S/S760870		Rev. No. 0	Rev. No. 0	0.0000 ±0.0002 0.000 ±0
A	2007/12/11	品質保證書 匯番 C/D機 CC, S/S760870機 S/S3194		Rev. No. 0	Rev. No. 0	0.000 ±0.0005 0.000 ±0
△						0.00 ±0.01 0.00 ±0
△						0.0 ±0.1 0.00 ±0
△						0. ±0.2 0.0 ±0
						0.0 ±0 ±0.1 ±0

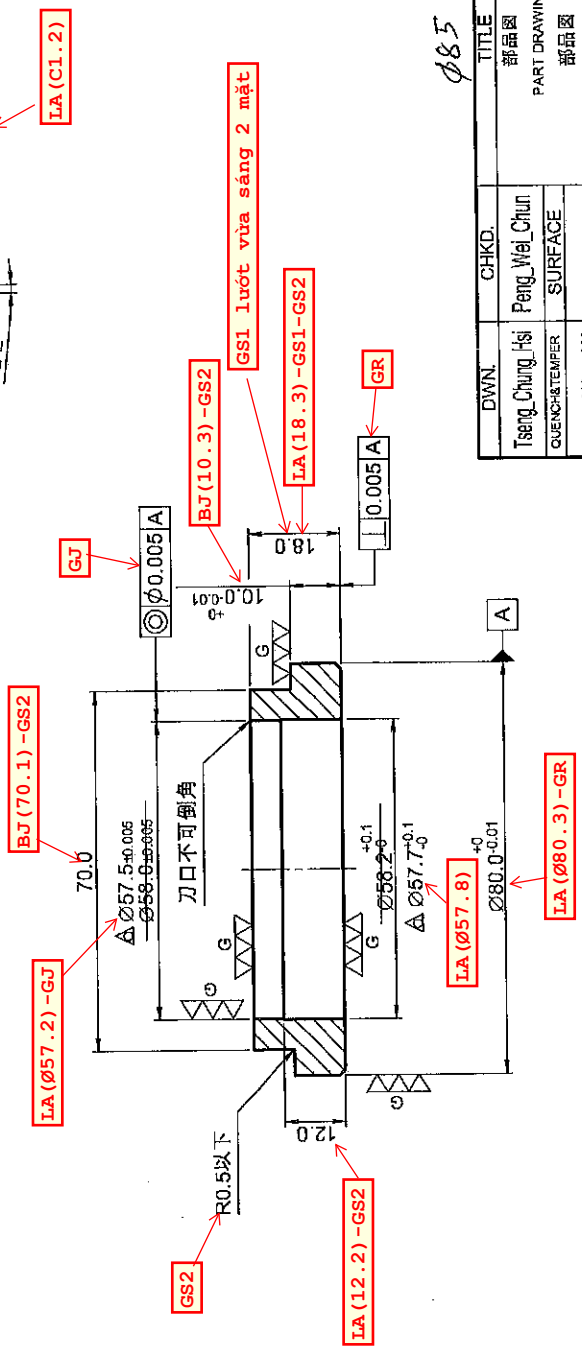
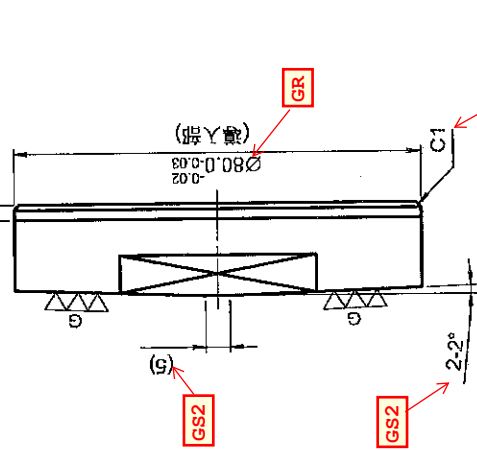
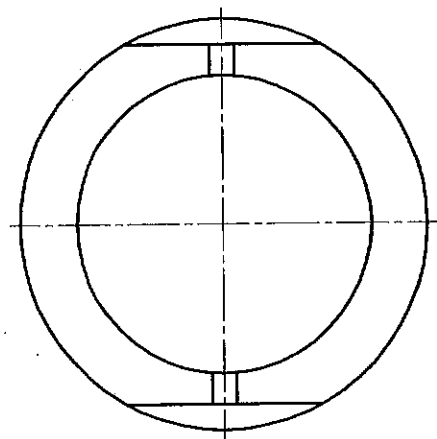
TO TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED


FINISH MARKS
G

GR

3(導入部)

213 105 068A.
IP



DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Tseng Chung Hsi	Peng Wei Chun	部品図	下型刀柄
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	LOWER-DIE SET EDGED TOOL
HRC 60° ~ 62°		部品図	下模刀具
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
S5011	2007/10/29	1:1	S753194
			
1	5	MANUICH MOTOR CO.,LTD.	

SNO: **S753194**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø85*28	LA:90 BJ:30 HT:40 GS1:25 GR:60 GJ:120 GS2:120 AF:10 KT